

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-PT
Ngày 15-1-2018
“Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Tiến Dũng
Ông Nguyễn Văn Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Minh Chiến – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Ông Đoàn Thanh Lương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 1 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:15/2017/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 50/2017/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân thành phố P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 99/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1977, địa chỉ: xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Trung T, sinh năm 1980; địa chỉ: Làng C, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Lê Trung T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Vũ Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 44 ngày 17-7-2006. Sau khi kết hôn, chị L và anh T chung sống tại: Làng C, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đến khoảng đầu năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có quan hệ ngoại tình và còn công khai mối quan hệ này. Do chị L thấy anh T không tôn trọng mình nên đã khuyên can anh thì bị anh T đánh đập.

Không chỉ vậy, cả gia đình nhà chồng còn bên vực anh T nên càng làm cho mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị L phải bỏ về nhà cha mẹ đẻ của mình tại: xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông để sinh sống. Vì vậy, chị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Lê Trung T.

Về con chung: Chị L và anh T có hai con chung là cháu Lê Minh D, sinh ngày 21-8-2007 và cháu Lê Vũ Thanh H, sinh ngày 29-3-2012. Chị L có nguyện vọng được nuôi 1 con chung là cháu Lê Vũ Thanh H. Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Trung T trình bày như sau:

Về hoàn cảnh và điều kiện kết hôn, anh T nhất trí với ý kiến của chị L trình bày.

Anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm; chị L coi thường phía gia đình nhà chồng, không quan tâm đến công việc của anh T nên vợ chồng xảy ra bất đồng. Giữa chị L và gia đình bên nội không được hòa hợp. Trong cuộc sống vợ chồng chị L không đảm đang, không biết lo lắng quan tâm tới anh T, không biết đối xử với gia đình chồng. Anh T thừa nhận, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là lỗi của anh T. Tuy nhiên, mâu thuẫn cũng do một phần lỗi của chị L. Do mâu thuẫn vợ chồng làm anh có suy nghĩ lệch lạc nên gặp và quen một người phụ nữ làm cho chị L có một số hiểu lầm. Tuy nhiên, anh T khẳng định đó chỉ là tình cảm thoáng qua. Anh T chỉ quen cho vui và không để lại hậu quả gì.

Trong cuộc sống vợ chồng anh T là người có trách nhiệm với gia đình. Ngoài công việc đi dạy học, anh T còn làm nhiều công việc khác nhau để tăng thu nhập cho gia đình.

Nay, anh T thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là lỗi của anh T. Tuy nhiên, anh T thấy việc ly hôn sẽ gây ảnh hưởng xấu đến các con. Do đó, anh T có nguyện vọng được đoàn tụ và không muốn ly hôn với chị L.

Về con chung: Hiện 2 con chung là cháu Lê Minh D, sinh ngày 21-8-2007 và cháu Lê Vũ Thanh H, sinh ngày 29-3-2012 đang sống chung với anh T trong thời gian chị L không có nhà. Trong trường hợp chị L cương quyết ly hôn thì anh T có nguyện vọng được nuôi cả hai con vì điều kiện anh T có thu nhập ổn định và thời gian chị L không có nhà anh vẫn chăm sóc tốt cho các con. Do đó, anh T không đồng ý yêu cầu được nuôi cháu Lê Vũ Thanh H của chị L. Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai cháu Lê Minh D trình bày: Trong trường hợp anh T và chị L ly hôn thì cháu D có nguyện vọng được sống chung với anh T

Tại biên bản xác minh ngày 4-7-2017 đã xác định:

Chị Vũ Thị L và anh Lê Trung T cư trú tại địa phương. Quá trình chung sống có việc vợ chồng chị L và anh T có mâu thuẫn dẫn đến việc đánh đập lẫn nhau gây mất trật tự địa phương. Sự việc vợ chồng chị L, anh T mâu thuẫn thì chính quyền địa phương và Công an phường T có can thiệp và giải quyết. Trong quá trình chung sống tại địa phương, anh T công khai sống với người phụ nữ khác trong thời gian chị L vắng nhà. Sự việc, vợ chồng chị L, anh T mâu thuẫn thì chị L có báo với tổ hòa giải địa phương nhưng sau đó đã rút đơn. Hiện tại, chị L và anh T không còn chung sống với nhau, hai con hiện vẫn sống chung với anh T trong thời gian chị L vắng nhà. Trong thời gian hai con sống chung với anh T thì anh T vẫn chăm sóc tốt cho các con.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 50/2017/HNGĐ-ST ngày 18/8/2017, Tòa án nhân dân thành phố P đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị L.

Về hôn nhân: Chị Vũ Thị L được ly hôn với anh Lê Trung T.

Về nuôi con:

Giao con chung là cháu Lê Minh D, sinh ngày 21-8-2007 cho anh Lê Trung T trực tiếp nuôi dưỡng

Giao con chung là cháu Lê Vũ Thanh H, sinh ngày 29-3-2012 cho chị Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, bị đơn là anh Lê Trung T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao cho anh được nuôi cả hai con

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Vũ Thị L và anh Lê Trung T có hai con chung là cháu Lê Minh D, sinh ngày 21-8-2007 và cháu Lê Vũ Thanh H, sinh ngày 29-3-2012. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao cháu D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Hà cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T kháng cáo cho rằng chị L không có nghề nghiệp ổn định, không có đủ điều kiện để nuôi con, anh yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử giao cho anh nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Việc giao con cho ai nuôi dưỡng là căn cứ vào quyền lợi mọi mặt và sự phát triển bình thường của con chưa thành niên chứ không chỉ căn cứ vào điều kiện vật chất. Anh T cho rằng chị L không đủ điều kiện nuôi con nhưng lại không có chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình; Xét thấy, cháu H còn nhỏ lại là bé gái nên việc giao cháu H cho mẹ nuôi dưỡng sẽ phù hợp và thuận lợi hơn so với anh T cho sự phát triển ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này. Hơn nữa, anh T là giáo viên đi dạy ở xa không có thời gian nhiều để chăm sóc cả hai con. Còn cháu D có nguyện vọng được ở với anh T nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu Hà cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và cháu D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 68, 69, 71, 72 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh T.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là anh Lê Trung T; giữ nguyên phần bản án đã xét xử tranh chấp nuôi con khi ly hôn tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 50/2017/HNGĐ-ST ngày 18/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố P về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” giữa nguyên đơn là chị Vũ Thị L với bị đơn là anh Lê Trung T:

Giao cho anh Lê Trung T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Minh D, sinh ngày 21-8-2007 kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Giao cho chị Vũ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Vũ Thanh H, sinh ngày 29-3-2012, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó

Khi có lý do chính đáng, theo yêu cầu của anh Lê Trung T, chị Vũ Thị L hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc anh Lê Trung T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003568 ngày 8-9-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; anh Lê Trung T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

-VKSND tỉnh Gia Lai;
-TAND thành phố P;
-Chi cục THADS thành phố P;
-UBND xã C;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án, TDS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Bình